

Mẫu số 09

Mã hiệu:.....

Số:.....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG(Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: **GR10 - 002**)ngày **05** tháng **10** năm 2023)Tài khoản dự toán: ☒Tài khoản tiền gửi: ☐1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC LONG QUÂN**2. Mã đơn vị: **1064778**3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á: **002342940002** tại **Ngân hàng Đông Á - CN Tân Bình****I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chi lương, phụ cấp tháng 10/2023, truy lãnh tháng 7, 8, 9/2023 (Chênh lệch MLCS: 310.000)**

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:			Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp có tính trừ BH	Lương và phụ cấp truy lãnh tháng 07, tháng 08, tháng 9/2023	Phụ cấp ưu đãi	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)		(9)	(12)
Tổng số				39.813.107	30.897.670	120.968	8.794.469	
I.	Đối với công chức, viên chức			39.813.107	30.897.670	120.968	8.794.469	
1	PHẠM HUY TUẤN	0102573940	Ngân hàng Đông Á	2.185.129	1.648.054	-	537.075	
2	PHẠM THỊ NGỌC SƯƠNG	0102600809	Ngân hàng Đông Á	2.609.191	1.963.515	45.779	599.897	
3	VŨ QUANG THÔNG	0102568530	Ngân hàng Đông Á	31.074	-	31.074	-	
4	ĐÌNH THỊ THU DUNG	0102568312	Ngân hàng Đông Á	2.671.814	2.061.176	-	610.638	
5	TRỊNH VIỆT LỤC	0102404642	Ngân hàng Đông Á	2.538.148	1.954.635	-	583.513	
6	PHẠM TRẦN TUẤN	0102568284	Ngân hàng Đông Á	2.579.569	1.962.682	44.115	572.772	
7	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	0102404672	Ngân hàng Đông Á	2.336.541	1.796.211	-	540.330	
8	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	0102568294	Ngân hàng Đông Á	2.117.342	1.612.817	-	504.525	
9	LÂM TÍCH VIÊN	0102404661	Ngân hàng Đông Á	2.130.105	1.625.580	-	504.525	
10	NGUYỄN THỊ NỮ HOÀNG	0102568296	Ngân hàng Đông Á	2.358.519	1.796.489	-	562.030	
11	NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA	0102404666	Ngân hàng Đông Á	2.104.302	1.599.777	-	504.525	
12	NGUYỄN THỤY VI	0101981154	Ngân hàng Đông Á	2.140.985	1.614.760	-	526.225	
13	TRẦN TUYẾT HOA	0102568287	Ngân hàng Đông Á	1.982.824	1.492.404	-	490.420	
14	PHẠM HOÀNG MINH HIẾN	0102973858	Ngân hàng Đông Á	1.957.576	1.467.156	-	490.420	
15	NGUYỄN NGỌC KHOÁT	0102942852	Ngân hàng Đông Á	1.554.631	1.157.521	-	397.110	
16	TRẦN HỮU HOÀNG	0102404669	Ngân hàng Đông Á	2.521.798	1.948.809	-	572.989	
17	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	0101083248	Ngân hàng Đông Á	1.327.357	976.902	-	350.455	
18	TRƯƠNG NGỌC TRÂM	0107642270	Ngân hàng Đông Á	848.997	848.997	-	-	
19	THỐI THỊ CẨM HUYỀN	0109809770	Ngân hàng Đông Á	795.057	571.547	-	223.510	
20	PHAN THỊ VÂN THẢO	0111240544	Ngân hàng Đông Á	795.057	571.547	-	223.510	
21	HÀ BÍCH HỒNG	0107887443	Ngân hàng Đông Á	571.547	571.547	-	-	
22	TRẦN THỊ THUỶ UYÊN	0111539118	Ngân hàng Đông Á	551.848	551.848	-	-	
23	CHU VÂN TRANG	0111539120	Ngân hàng Đông Á	551.848	551.848	-	-	



STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:			Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp có tính trừ BH	Lương và phụ cấp truy lĩnh tháng 07, tháng 08, tháng 9/2023	Phụ cấp ưu đãi	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)		(9)	(12)
24	HOÀNG LÊ ÁNH TUYẾT	0111492427	Ngân hàng Đông Á	551.848	551.848	-	-	
II.	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			-	-		-	
III.	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP			-	-		-	

Tổng số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu tám trăm mười ba nghìn một trăm linh bảy đồng

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Giảm so với tháng trước số tiền là: 85.304.227đ do tháng này truy lĩnh phụ cấp ít hơn tháng trước.

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Nguyệt Hằng

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Nguyệt Hằng

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/
Giao dịch viên

Tân Bình, ngày 05... tháng 10 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phạm Huy Tuân

Ngày.....tháng.....năm.....
Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/
Giám đốc KBNN quận, huyện